

PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỘNG
(PHT) Môn học: CSE485: Công nghệ
Web

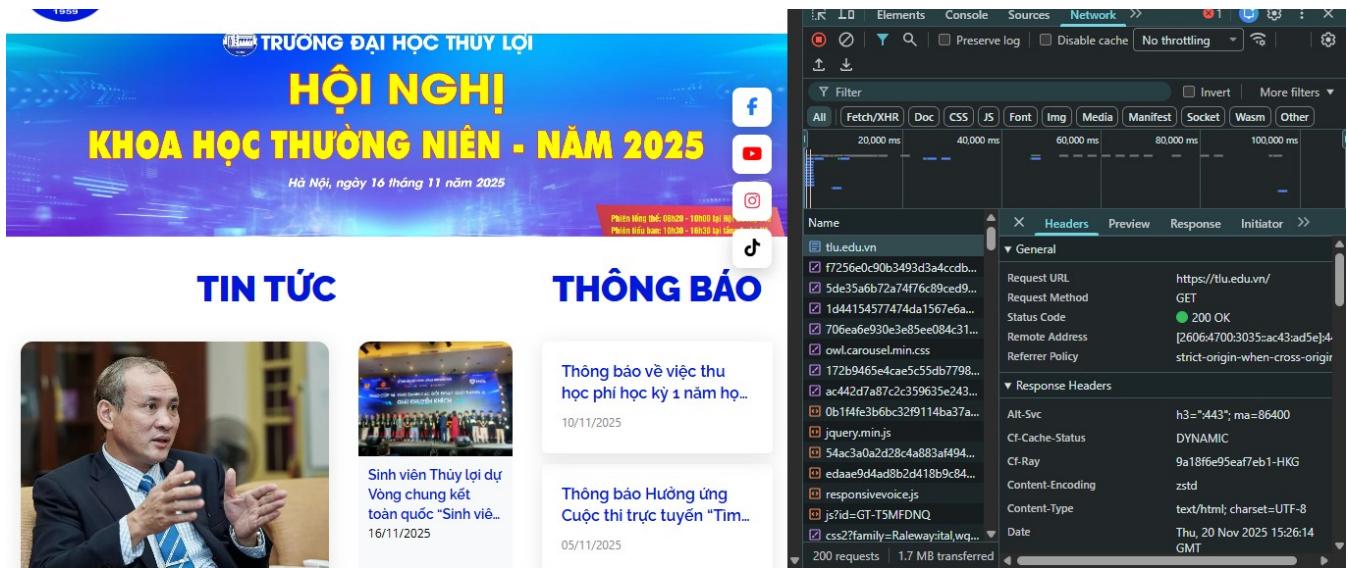
CHƯƠNG 1: TÌM HIỂU VỀ CÔNG NGHỆ WEB

4

Yêu cầu Bằng chứng (Proof of Work)

Bạn phải nộp lại 2 bằng chứng sau:

A. Ảnh chụp màn hình Kết quả (Trình duyệt Web):



The screenshot shows a browser window with the Network tab selected. It lists numerous requests made to the domain tlu.edu.vn. The Headers section provides detailed information about the request, including the URL (https://tlu.edu.vn/), method (GET), status code (200 OK), and various response headers such as Alt-Svc, Cf-Cache-Status, and Content-Type.

B. Thông tin trích xuất:

Nhìn vào cửa sổ "Headers" (Phần 2, TODO 6), tìm và chép lại chính xác 3 thông tin sau:

1. **Request URL:** <https://tlu.edu.vn/>
2. **Request Method:** GET
3. **Status Code:** 200 OK

4. Câu hỏi Phản biện (Bắt buộc)

Sau khi hoàn thành Phần 2 & 3, hãy đặt 01 câu hỏi tư duy về những gì bạn vừa quan sát.

Câu hỏi của tôi là: "Mã trạng thái HTTP (Status Code) 301 và 302 khác nhau như thế nào, và khi nào Web Server (tlu.edu.vn) có thể trả về một trong những mã này thay vì mã 200 thông thường?"

CHƯƠNG 2: LẬP TRÌNH PHP CĂN

BẢN 1. Lý thuyết Cốt lõi (Khái niệm)

Chương này là nền móng. PHP là ngôn ngữ chạy phía **Server**. Bạn viết code, server thi hành, và chỉ trả về kết quả (thường là HTML) cho trình duyệt. Trình duyệt **không bao giờ** thấy code PHP của bạn.

Các cú pháp cốt lõi bạn phải nhớ:

- **Khối lệnh PHP:** Mọi code PHP phải nằm trong <?php ... ?>.
- **Biến (2.1):** Luôn bắt đầu bằng dấu đô-la (\$). Ví dụ: \$ten = "Tuấn";, \$tuoi = 20;. Biến PHP không cần khai báo let hay var như JavaScript.
- **In ra màn hình:** Dùng echo hoặc print. Ví dụ: echo "Chào bạn \$ten";
- **Nối chuỗi:** Dùng dấu chấm (.), **không phải** dấu cộng (+) như JavaScript. Ví dụ: echo "Tuổi của bạn là: " . \$tuoi;.
- **Cấu trúc điều khiển (2.2):** Cú pháp if...else, for, while, switch giống hệt C, Java, và JavaScript.
- **Hàm (2.3):** Dùng từ khóa function. Ví dụ: function tinhTong(\$a, \$b) { return \$a + \$b; }.
- **Kết thúc dòng:** Mọi câu lệnh PHP phải kết thúc bằng dấu chấm phẩy (;).

2. Nhiệm vụ Thực hành (BẮT BUỘC)

Kích bản: Bạn sẽ tạo một tệp sinhvien.php. Tệp này sẽ khai báo thông tin cơ bản của một sinh viên, sau đó dùng logic if/else để xếp loại và dùng vòng lặp for để in ra một thông điệp.

Code Khởi đầu (Starter Code):

Tạo 1 tệp chapter2.php (hoặc tên bất kỳ) trong thư mục htdocs của XAMPP và dán code sau:

PHP

```
<!DOCTYPE html>
<html lang="vi">
<head>
    <meta charset="UTF-8">
    <title>PHT Chương 2 - PHP Căn Bản</title>
</head>
<body>
    <h1>Kết quả PHP Căn Bản</h1>

    <?php
        // BẮT ĐẦU CODE PHP CỦA BẠN TẠI ĐÂY
        // TODO 1: Khai báo 3 biến
    </?php>
```

```
// $ho_ten = "Nguyễn Văn A"; (Thay bằng tên của bạn)
// $diem_tb = 7.5; (Thay bằng điểm bạn muốn)
// $co_di_hoc_chuyen_can = true; (hoặc false)
```

```
// TODO 2: In ra thông tin sinh viên
// Dùng lệnh echo để in ra: "Họ tên: $ho_ten", "Điểm: $diem_tb"
// (Lưu ý: Phải in ra cả thẻ <br> để xuống dòng trong HTML)
```

```
// TODO 3: Viết cấu trúc IF/ELSE IF/ELSE (2.2)
// Dựa vào $diem_tb, in ra xếp loại:
```

```
// - Nếu $diem_tb >= 8.5 VÀ $co_di_hoc_chuyen_can == true => "Xếp loại: Giỏi"
// - Ngược lại, nếu $diem_tb >= 6.5 VÀ $co_di_hoc_chuyen_can == true =>
// "Xếp loại: Khá"
// - Ngược lại, nếu $diem_tb >= 5.0 VÀ $co_di_hoc_chuyen_can == true =>
// "Xếp loại: Trung bình"
// - Các trường hợp còn lại (bao gồm cả $co_di_hoc_chuyen_can == false) =>
// "Xếp loại: Yếu (Cần cố gắng thêm!)"

// Gợi ý: Dùng toán tử && (AND)
```

```
// TODO 4: Viết 1 hàm đơn giản (2.3)
// Tên hàm: chaoMung()
```

```
// Hàm này không có tham số, chỉ cần `echo "Chúc mừng bạn đã hoàn thành PHT
// Chương 2!"`
```

```
// TODO 5: Gọi hàm bạn vừa tạo
// Gợi ý: Gõ tên hàm và dấu();
```

```
// KẾT THÚC CODE PHP CỦA BẠN TẠI ĐÂY
```

```
?>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

3. Yêu cầu Bằng chứng (Proof of Work)

Bạn phải nộp lại 2 bằng chứng sau:

A. Code đã hoàn thiện:

```
<!DOCTYPE html>
<html Lang="vi">
<head>
<meta charset="UTF-8">
<title>PHT Chương 2 - PHP Căn Bản</title>
</head>

<body>
<h1>Kết quả PHP Căn Bản</h1>

<?php

$ho_ten = "Bùi Mạnh Đức";
$diem_tb = 10;
$co_di_hoc_chuyen_can = true;

echo "Họ tên: " . $ho_ten . "<br>";
echo "Điểm: " . $diem_tb . "<br><br>";

if ($diem_tb >= 8.5 && $co_di_hoc_chuyen_can == true) {
    echo "Xếp loại: Giỏi";
} elseif ($diem_tb >= 6.5 && $co_di_hoc_chuyen_can == true) {
    echo "Xếp loại: Khá";
} elseif ($diem_tb >= 5.0 && $co_di_hoc_chuyen_can == true) {
    echo "Xếp loại: Trung bình";
} else {

    echo "Xếp loại: Yếu (Cần cố gắng thêm!)" ;
}

echo "<br><br>";

function chaoMung() {
    echo "Chúc mừng bạn đã hoàn thành PHT Chương 2!";
}
```

```
}

chaoMung();

// KẾT THÚC CODE PHP CỦA BẠN TẠI ĐÂY
?>

</body>
</html>
```

B. Ảnh chụp màn hình Kết quả (Trình duyệt Web): Chạy tệp PHP của bạn trên XAMPP (ví dụ: <http://localhost/chapter2.php>) và chụp ảnh màn hình trình duyệt hiển thị kết quả.



(Dán Code A và Ảnh B của bạn vào đây)

4. Câu hỏi Phản biện (Bắt buộc)

Câu hỏi của tôi là: "Tất cả các biến trong PHP phải bắt đầu bằng ký tự gì, và tại sao việc này lại giúp phân biệt biến với các thành phần khác (ví dụ: chuỗi, hằng số) trong code?"